

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính  
thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CÔNG CHÍNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Thực hiện Công văn số 162/HCC-KSTTHC ngày 14/4/2026 của Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa, về việc rà soát thủ tục hành chính đề xuất phương án phân cấp, ủy quyền theo yêu cầu tại Thông báo số 88/TB-TCTĐA ngày 10/4/2026 của tổ công tác Đề án 06 tỉnh;*

*Thực hiện Công văn số 173/HCC-KSTTHC, ngày 20/4/2026 của Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phân cấp, ủy quyền và thực hiện cắt giảm thời gian theo chỉ đạo tại Thông báo số 91/TB-TCT ngày 17/4/2026 của tổ công tác Đề án 06 tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Phó giám đốc trung tâm phục vụ hành chính công.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố cắt giảm thời gian giải quyết đối với 13 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã.

*(kèm theo Danh mục các thủ tục được cắt giảm thời gian giải quyết).*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Trung tâm phục vụ Hành chính công:

- Niêm yết công khai thời gian giải quyết thủ tục hành chính đã được cắt giảm.  
Thời gian công khai xong trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

- Hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy trình các thủ tục hành chính.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này. Định kỳ báo cáo Chủ tịch UBND xã theo quy định.

2. Các phòng chuyên môn:

- Chủ động rà soát, thực hiện đơn giản hóa quy trình xử lý hồ sơ.

- Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng HĐND-UBND, Trưởng các phòng chuyên môn, Trung tâm phục vụ Hành chính công và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND tỉnh (bc);
- Đảng ủy, HĐND (b/c);
- Chủ tịch, các phó chủ tịch;
- Phòng chuyên môn; Trung tâm CU DVC;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trung Kiên**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND XÃ**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 21/5/2026 của Chủ tịch UBND xã Công Chính)

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời gian cắt giảm (ngày)	Thời hạn giải quyết sau cắt giảm (ngày)
1.	Thủ tục xác nhận cán bộ Quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo	2.002761.H56	Chính sách	39	19	20
2.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích trẻ em	2.001944.000.00.00.H56	Trẻ em	15	7	8
3.	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	1.012223.H56	Công tác dân tộc	20	10	10
4.	Công nhận người có uy tín	1.012222.H56	Công tác dân tộc	25	12	13
5.	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	3.000412.H56	Giảm nghèo	15	5	10

6.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hàng năm	1.011608.000.00.00.H56	Giảm nghèo	15	5	10
7.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hàng năm	1.011607.000.00.00.H56	Giảm nghèo	15	5	10
8.	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	1.011609.000.00.00.H56	Giảm nghèo	15	5	10
9.	Thủ tục công nhận Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, chi hội nông dân tổ chức phong trào giỏi cấp xã	1.007922	Thi đua - khen thưởng	30	15	15
10.	Cho phép Hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	1.013709.H56	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	30	12	18
11.	Hội tự giải thể	1.013708.H56	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	45	18	27
12.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	1.003596.000.00.00.H56	Nông nghiệp	60	30	30
13.	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	1.013791.H56	Văn hóa	15	5	10